| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN Ô MÔN,**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 13/2023/HN-ST
Ngày: 23/02/2023
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN**

**Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái

- Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thuý Đoan
2. Bà Ngô Thị Út Hậu

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa**: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án Nhân dân quận Ô Môn.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HN ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **chị Huỳnh Thị Thu L**, sinh năm 1996

Thường trú: Số 339, ấp 5, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, Tp Cần Thơ

- Bị đơn: **anh Trần Văn T**, sinh năm 1987

Thường trú: Khu vực Thới Hưng, p. Long Hưng, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Theo Đơn khởi kiện ngày 03/8/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu L trình bày:* Giữa bà và ông Trần Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Hưng, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quá trình chung sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau chủ yếu về kinh tế gia đình và bất đồng quan điểm sống, ông Trọng có những lời nói không tôn trọng bà. Vợ chồng hiện tại không sống cùng nhau, tự ai làm lo cuộc sống của người đó. Nay nhận thấy

vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không có hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn. Về tài sản chung không có, nợ chung là không có. Về con chung có 02 con chung là Trần Trọng P, sinh ngày 14/01/2017 và Trần Huỳnh Lan T1, sinh ngày 29/02/2020, yêu cầu trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông Trọng cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

- *Bị đơn ông Trần Văn T trình bày:* Thống nhất về quan hệ hôn nhân, không đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị Thu L vì vẫn còn thương vợ, mong muốn con có đủ cha và mẹ. Còn mâu thuẫn của vợ chồng là về vấn đề tài chính. Về nợ chung là không có, về tài sản chung là không có. Về con chung có 02 con chung là Trần Trọng P, sinh ngày 14/01/2017 và Trần Huỳnh Lan T1, sinh ngày 29/02/2020.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc được ly hôn với ông Trần Văn T, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Trọng không còn quan tâm đến vợ, con, hiện vợ chồng không còn sống cùng nhau, không ai quan tâm đến ai.

Về con chung bà Lan yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Trọng P, sinh ngày 14/01/2017 và Trần Huỳnh Lan T1, sinh ngày 29/02/2020 và yêu cầu ông Trọng cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng mỗi tháng.

Bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến đối với vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về quan hệ pháp luật bên tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T. Giữa bà Huỳnh Thị Thu L và ông Trần Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình nên xem là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Long Hưng, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ô Môn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Trần Văn T vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*[3] Về nội dung vụ án:*

*[3.1] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:* Quá trình giải quyết vụ án bà Lan trình bày sau khi đăng ký kết hôn, bà và ông Trần Văn T chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, chủ yếu do ông Trần Văn T không tôn trọng bà, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, chủ yếu về vấn đề kinh tế của gia đình. Sau đó bà và ông Trần Văn T đã ly thân cho đến nay.

*Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo quy định tại Điều 17; Điều 19; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì "*Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*" nhưng theo lời trình bày của bà Lan thì từ khi vợ chồng không sống chung tới nay, ông Trần Văn T không đến thăm hỏi, chăm sóc cho bà và con. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông Trần Văn T nhằm hòa giải, tạo điều kiện để ông bà hàn gắn tình cảm với nhau nhưng ông Trần Văn T vẫn vắng mặt không lý do, thể hiện ông không thật sự muốn hàn gắn tình cảm với bà Lan.

Xét trên thực tế bà Lan và ông Trần Văn T đã sống ly thân, từ lâu không còn sự quan tâm, thăm hỏi với nhau, cho thấy vợ chồng có sự bỏ mặt nhau, muốn sống ra sao thì sống. Nhận thấy, tình trạng vợ chồng giữa bà Lan và ông Trần Văn T đã rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục cũng không mang lại hạnh phúc cho bà Lan và ông Trần Văn T. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu L.

*[3.2] Về con chung:* Bà Lan trình bày giữa bà với ông Trần Văn T chung sống có 02 con chung tên Trần Trọng P, sinh ngày 14/01/2017 và Trần Huỳnh Lan T1, sinh ngày 29/02/2020, ngoài ra không còn con chung nào khác. Bà trình bày sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà mang con về cùng sinh sống với bà, việc chăm sóc con là do bà thực hiện, các chi phí để chăm sóc 02 con chung chủ yếu là từ bà, còn ông Trọng từ khi không sống cùng đến nay thì chỉ có một vài lần gửi tiền về lo cho 02 con nên bà Lan yêu cầu được nuôi con, yêu cầu ông Trọng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng mỗi cháu cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

*Hội đồng xét xử thấy:* Qua lời trình bày của bà Lan thấy rằng hiện con chung đang sinh sống cùng bà, việc sinh hoạt và học tập của cháu Phúc, cháu T1 là do chính bà Lan thực hiện. Bên cạnh, ông Trần Văn T không đến tham gia phiên tòa nên không có ý kiến thừa nhận hay phản đối với lời trình bày của bà Lan nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử ghi nhận lời trình bày của bà Lan. Nhận thấy, việc giao các con chung cho bà Lan trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo được cho các cháu về việc phát triển thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà Lan.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái (con chung) là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con (ông Trần Văn T) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

*[3.3] Về yêu cầu cấp dưỡng của bà Lan về việc yêu cầu ông Trọng cấp dưỡng nuôi con chung với cháu Phúc, cháu T1 là 3.000.000 đồng mỗi tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy*:

- Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".*

- Tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con".*

- Tại khoản 1 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Người được cấp dưỡng, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người đó, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ đó".*

Nhận thấy hiện cháu Phúc, cháu T1 đang sống với bà Lan. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại cháu Phúc, cháu T1 chưa thành niên và hiện đang do bà Lan trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên bà Lan yêu cầu ông Trọng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 82, 110, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng mỗi cháu, mỗi tháng, Hội đồng xét xử nhận thấy theo Khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người*

*được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết"*. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định các chi phí phục vụ nhu cầu học hành và các chi phí sinh hoạt thiết yếu hàng tháng cháu Phúc, cháu T1 mỗi cháu là hơn 1.500.000 đồng. Nhưng, do bà Lan chỉ yêu cầu ông Trọng cấp dưỡng mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, nhận thấy mức cấp dưỡng bà Lan yêu cầu là nhu cầu thiết yếu của trẻ, nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

*[3.4] Về phương thức cấp dưỡng:* Theo quy định tại Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về phương thức cấp dưỡng như sau: *"Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần…"*. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về phương thức cấp dưỡng nuôi con. Do đó, căn cứ vào quy định trên, Hội đồng xét xử nghĩ cần buộc bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

*[3.5] Về tài sản chung và nợ chung*: Do vụ án xét xử vắng mặt bị đơn nên chỉ ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc không có tài sản chung và không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

*[4] Về án phí:* Áp dụng Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu L phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí ly hôn. Ông Trọng phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ vào:*** - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 20 Điều 3; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 ; Điều 110; Điều 116 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* ***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Huỳnh Thị Thu L được ly hôn với ông Trần Văn T.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Trần Trọng P, sinh ngày 14/01/2017 và Trần Huỳnh Lan T1, sinh ngày 29/02/2020 cho bà Huỳnh Thị Thu L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bà Huỳnh Thị Thu L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- *Về cấp dưỡng:*

Ông Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Phúc với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng mỗi tháng cho đến khi cháu Phúc đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng.

Ông Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T1 với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng mỗi tháng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Huỳnh Thị Thu L cho rằng không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Huỳnh Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003572 ngày 24/10/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, TP. Cần Thơ thành án phí. Ông Trần Văn T chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định) để yêu cầu Tòa án Nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án

dân sự và thời hiệu Thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND phường Long Hưng, Ô Môn;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thanh Thái**